

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **158/2023/HN-ST**

Ngày: 19/12/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư
ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ
Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
394/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 504/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12
năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Yến O**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp Phước Tân, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Bé T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp Phước Tân, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1955;

3.2 Bà **Đinh Thị Đ**, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: **ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.0**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Yến O** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **B T** do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng xây nhà ở riêng tại ấp P, xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **B T** không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, khi ly thân chị về nhà mẹ ruột sống còn anh **B T** sống tại nhà riêng của anh chị. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có trao đổi, hàn gắn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh **Bé T**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung cháu **Nguyễn Ngọc Yến H**, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh **Bé T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, nay chị thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh **Bé T** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cất trên một phần thửa đất 53, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, giá trị căn nhà có giá trị khoảng 200.000.000 đồng, chị **O** yêu cầu được nhận ½ giá trị căn nhà số tiền 100.000.000 đồng và chị đồng ý giao căn nhà cho anh **B T** quản lý, sử dụng. Nay chị tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai bị đơn anh **Nguyễn Văn Bé T** trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị **O** vời thời gian, điều kiện tiến tới hôn nhân, quá trình chung sống giữa vợ chồng. Theo anh thì mâu thuẫn của vợ chồng là do chị **O** tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh nghi ngờ chị **O** có quen với người đàn ông khác. Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị **O** xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung cháu **Nguyễn Ngọc Yến H**, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị **O** cấp dưỡng

nuôi con. Tuy nhiên, nếu con có nguyện vọng sống với ai thì anh đồng ý theo nguyện vọng của con. Nếu chị **O** nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn T1**, bà **Đinh Thị Đ** trình bày:

Về mâu thuẫn của vợ chồng anh **Bé T** và chị **O** thì ông, bà không biết do các con ở riêng. Đối với căn nhà trên thửa đất 53, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại **ấp P, xã B, huyện M** là do ông, bà cất cho vợ chồng anh **Bé T** và chị **O** ở, vợ chồng có phụ số tiền 14.000.000 đồng xây nhà và sau khi về ở thì có xây thêm một số công trình phụ để sử dụng. Nếu chị **O** yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà thì ông, bà đồng ý để chị **O** tự di dời căn nhà và các công trình phụ đi, trả đất lại cho ông bà, không yêu cầu bồi hoàn giá trị căn nhà. Thửa đất 53, tờ bản đồ số 03 hiện nay ông, bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh **Bé T**, ông **T1**, bà **Đ** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **Bé T**, ông **T1**, bà **Đ**.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị **O** yêu cầu ly hôn với anh **Bé T**, anh bé **T** cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có một con chung cháu **Nguyễn Ngọc Yên H**, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn chị **O** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh **Bé T** cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi anh, chị ly thân con chung sống với chị **O** có cuộc sống ổn định, tại biên bản lấy ý kiến con cháu Huỳnh có nguyện vọng được sống với mẹ, đồng thời anh **B T** cũng có ý kiến nếu con có nguyện vọng sống với ai thì anh cũng đồng ý. Do đó, để đảm bảo môi trường sống và phát triển bình thường của con chung, khi ly hôn giao con chung cho chị **O** nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị **O** không yêu cầu anh **Bé T** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị **O** tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị đình chỉ giải quyết. Chị **O** và anh **Bé T** trình bày tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Yến O**, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn Bé T**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn T1**, bà **Đinh Thị Đ** đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Bé T**, ông **T1**, bà **Đ**.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị **Nguyễn Thị Yến O** và anh **Nguyễn Văn Bé T** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị **O** yêu cầu được ly hôn với anh **Bé T**, chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **Bé T** không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh **Bé T** cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do chị **O** tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống và anh có nghi ngờ chị **O** có quen người đàn ông khác. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị **O** yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **O** và anh **B T** là có thật, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, anh chị đã có thời gian dài ly thân nhưng không hàn gắn tình cảm được, anh chị cũng không có thiện chí đoàn tụ. Chị **O** yêu cầu ly hôn và anh **B T** cũng đồng ý ly hôn nên công nhận sự thuận

tình ly hôn của chị **O** và anh **B T** là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị **O** và anh **B T** có một con chung cháu **Nguyễn Ngọc Yến H**, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn chị **O** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh **Bé T** cấp dưỡng nuôi con. Anh **Bé T** cũng có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị **O** cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng, từ khi chị **O** và anh **Bé T** ly thân con chung sống với chị **O** có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Tại biên bản lấy ý kiến con cháu **H** trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai anh **B T** cũng có ý kiến nếu con có nguyện vọng sống với ai thì anh cũng đồng ý. Nếu chị **O** nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung, khi ly hôn giao cháu **H** cho chị **O** nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị **O** không yêu cầu anh **Bé T** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng:

Theo đơn khởi kiện chị **O** yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cất trên một phần thửa đất 53, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại **ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre**, giá trị căn nhà có giá trị khoảng 200.000.000 đồng, chị **O** yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà số tiền 100.000.000 đồng và chị đồng ý giao căn nhà cho anh **B T** quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị **O** tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị **O**.

Chị **O** và anh **Bé T** trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị **O**, anh **Bé T** trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị **O** phải chịu theo quy định.

Án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung hoàn lại cho chị **O** theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến O.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Yến O và anh Nguyễn Văn Bé T thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Có một con chung cháu Nguyễn Ngọc Yến H, sinh ngày 04/12/2007. Khi ly hôn giao con chung cho chị Nguyễn Thị Yến O được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Yến O không yêu cầu anh Nguyễn Văn Bé T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến O đối với căn nhà cất trên một phần thửa đất 53, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị Yến O và anh Nguyễn Văn Bé T trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Yến O và anh Nguyễn Văn Bé T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Yến O phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001234 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

H1 lại cho chị Nguyễn Thị Yến O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001233 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yên